

Bản án số: 50/2020/HSST
Ngày 27/8/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tuấn Anh**.

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông **Lê Đức Trà**

2, Ông **Vũ Công Soạn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Lan** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Q mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 55/2020/HSST ngày 31 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐXXST ngày 13 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **NGUYỄN TUẤN K** (không có tên gọi khác); Sinh ngày 22 tháng 02 năm 1990. Tại Q, Q; Nơi ĐKKHKT: Khu 5, phường P, thị xã Q, tỉnh Q; Chỗ ở: Khu 5, phường P, thị xã Q, tỉnh Q; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Tuấn C, sinh năm 1962; Con bà Đỗ Thị T, sinh năm 1969; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Nhân thân: Ngày 10/12/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Y (nay là thị xã Q) xử phạt 42 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 29/8/2009, về tội “*Cướp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp ngày 07/5/2020, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN M** (không có tên gọi khác); Sinh ngày 01 tháng 7 năm 1987. Tại Q, Q; Nơi cư trú: Xóm B, xã L, thị xã Q, tỉnh Q; Quốc tịch: Việt Nam; Dân

tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn A (đã chết); Con bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1963; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Nhân thân: Ngày 13/12/2006, Tòa án nhân dân huyện Y (nay là thị xã Q) xử phạt 15 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 07/5/2020, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Đỗ Thị T**, sinh năm 1969

Nơi cư trú: Khu 8, phường P, thị xã Q, tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

2. Chị **Đỗ Thị T**, sinh năm 1991`

Nơi cư trú: Xóm B, xã L, thị xã Q, tỉnh Q, vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

** Người chứng kiến:*

1. Ông **Phạm Ngọc D**, sinh năm 1964.

Nơi cư trú: Khu 2, phường P, thị xã Q - Q. Vắng mặt.

2. Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1998.

Nơi cư trú: Khu 6, phường P, thị xã Q - Q. Vắng mặt.

3. Ông **Dương Văn T**, sinh năm 1952.

Nơi cư trú: Khu 8, phường P, thị xã Q - Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 06 giờ 50 phút ngày 07/5/2020, tại khu 8, phường P, thị xã Q, tỉnh Q, Công an thị xã Q phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn M có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ trong tay M đang cầm 01 gói giấy màu trắng, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục.

Tại Cơ quan điều tra, M khai: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 07/5/2020, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên Nguyễn Văn M đã điện thoại cho Nguyễn Tuấn K để mua ma túy. Sau đó M đến nhà K tại khu 8, phường P, thị xã Q, mua 200.000 đồng một gói ma túy nhưng M nói với K chỉ còn 190.000 đồng và nợ K 10.000 đồng, Kên đồng ý. M cầm ma túy trong lòng bàn tay trái, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 14X1 - 326.42 đến khu vực đường đê thuộc khu 8, phường P thì bị Công an thị xã Q kiểm tra, phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng như trên.

Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành bắt, giữ khẩn cấp đối với Nguyễn Tuấn K, thu giữ tại túi quần phía trước bên trái 01 túi nilon màu trắng, bên trong túi có chứa 03 gói giấy nhỏ, đều chứa chất tinh thể màu trắng. Thu giữ tại túi quần bên phải có một gói giấy nhỏ bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Tuấn K khai: Do bản thân sử dụng trái phép chất ma túy nên K đến thành phố H mua ma túy với số tiền 2.000.000 đồng của một người không quen biết, về chia nhỏ để sử dụng cho bản thân. Sáng ngày 07/5/2020, M gọi điện thoại cho K hỏi mua ma túy thì K bán ma túy cho M một gói với số tiền 200.000 đồng, số ma túy còn lại là 03 gói, K tàng trữ để sử dụng cho bản thân thì bị Cơ quan điều tra khám xét, thu giữ.

Tại bản kết luận giám định số 437, 438 cùng ngày 12/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q lần lượt kết luận: Chất bột màu trắng trong phong bì niêm phong ghi vật chứng thu giữ của Nguyễn Văn M, gửi giám định là ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,139 gam. Chất bột màu trắng dạng cục (ký hiệu từ M1 đến M4) trong phong bì niêm phong ghi: Vật chứng thu giữ của Nguyễn Tuấn K gửi giám định là ma túy, loại Heroine, tổng khối lượng 0,276 gam.

(Heroine là chất ma túy có số thứ tự 20 thuộc danh mục 1 Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định danh mục các chất ma túy và tiền chất).

Quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Tuấn K và Nguyễn Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T có mặt tại phiên tòa trình bày: Bà là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Tuấn K, trong số tiền 4.300.000 đồng mà Cơ quan điều tra thu giữ của Nguyễn Tuấn K thì trong đó có hơn 4.000.000 đồng (bà không nhớ chính xác) là số tiền bà đưa cho K để đi đến Trung tâm y tế thị xã Q khám bệnh và mua thuốc chữa bệnh cho K. Đến nay bà đề nghị được trả lại cho bà số tiền hơn 4.000.000 đồng là tiền của bà đưa cho K. Ngoài ra bà không còn ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị T vắng mặt có lời khai trong quá trình điều tra và đơn xin xét xử vắng mặt có nội dung thể hiện: Chị là em dâu của bị cáo Nguyễn Văn M và cho bị cáo M mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 14X1 - 326.42 (đăng ký mang tên chị) để M đi làm. Chị không biết việc M sử dụng xe của chị để đi mua ma túy. Đến nay, chị đã được nhận lại chiếc xe mô tô trên và chị không có yêu cầu gì.

Bản cáo trạng số 53/CT-VKSQ, ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn K về các tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Văn M về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm luận tội như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Nguyễn Tuấn K phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn K từ 24 (hai bốn) đến 30 (ba mươi) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình

phạt buộc Nguyễn Tuấn K phải chấp hành hình phạt chung từ 39 (ba mươi chín) đến 48 (bốn mươi tám). Thời hạn tù tính từ ngày 07/5/2020.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Văn M từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù tính từ ngày 07/5/2020.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong số 438/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q bên trong có mẫu vật hoàn lại sau giám định có khối lượng như sau: M1: 0,01 gam; M2: 0,02; M3: 0,02 gam; M4: 0,02 gam, và 01 (một) phong bì niêm phong số 437/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q bên trong có mẫu vật hoàn lại sau giám định có khối lượng là 0,08 gam.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong của máy, điện thoại thu giữ của bị cáo Nguyễn Tuấn K và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đỏ đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong của máy, điện thoại thu giữ của Nguyễn Văn M.

- Trả lại cho bà Đỗ Thị T số tiền 4.110.000 đồng trong số tiền 4.300.000 đồng thu giữ của Nguyễn Tuấn K.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 190.000 đồng trong số tiền 4.300.000 đồng thu giữ của Nguyễn Tuấn K.

- Vật chứng là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 14X1 - 326.42 đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Đỗ Thị T nên không xem xét giải quyết.

Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Tại phần tranh luận, các bị cáo Nguyễn Tuấn K và Nguyễn Văn M không tranh luận gì với nội dung bản luận tội và thừa nhận việc truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, không bị oan sai. Các bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T không tranh luận gì với quan điểm của Viện kiểm sát.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T, chị Đỗ Thị T và những người chứng chứng kiến ông Phạm Ngọc D, ông Dương Văn Th, anh Phạm Văn T, với vật chứng bị thu giữ, biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an thị xã Q lập hồi 07 giờ 00 phút ngày 07/5/2020, biên bản bắt người trong trường hợp khẩn cấp do Công an thị xã Q lập vào hồi 09 giờ 20 phút ngày 07/5/2020, biên bản niêm phong vật chứng, kết luận giám định số 437 và 438/KLGD ngày 12/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 07/5/2020, tại khu 8, phường P, thị xã Q, tỉnh Q, Nguyễn Tuấn K có hành vi bán trái phép chất ma túy loại Heroine với số tiền 200.000 đồng và tàng trữ trái phép chất ma túy loại Heroine, khối lượng 0,276 gam để sử dụng cho bản thân thì Cơ quan Cảnh sát điều tra khám xét khẩn cấp, thu giữ vật chứng. Cùng ngày, Nguyễn Văn M tàng trữ số ma túy mua được của K loại Heroine khối lượng 0,139 gam thì bị Công an thị xã Q phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

[3] Từ những chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận hành vi của Nguyễn Tuấn K đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; Hành vi của Nguyễn Văn M đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q đã quy kết đối với các bị cáo là đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Tuấn K và Nguyễn Văn M đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua bán, tàng trữ ma túy là trái pháp luật. Nhưng bị cáo K vì ham lợi nhuận, bị cáo M vì thỏa mãn cơn nghiện cho bản thân nên các bị cáo bất chấp pháp luật. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thể hiện sự coi thường pháp luật, trực tiếp xâm phạm đến quy định của pháp luật về kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy, hành vi của các bị cáo cũng là nguồn gốc phát sinh các tệ nạn xã hội, gây mất an ninh trật tự xã hội, tiếp tay cho các đối tượng mua bán trái phép chất ma túy và là nguyên nhân gia tăng các loại tội phạm khác. Mặt khác các bị cáo đều đã bị xử phạt hình phạt tù về hành vi phạm tội nhưng đã được xóa án tích. Các bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội. Do đó, cần phải có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích

cho xã hội. Tuy nhiên, cũng cần phải xem xét về hành vi và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên, cần thiết cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra bị cáo Nguyễn Tuấn K có ông nội là ông Nguyễn Văn Phương được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất nên cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Tuấn K và Nguyễn Văn M đều không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên bản thân các bị cáo K và M đều có nhân thân xấu. Bị cáo Nguyễn Tuấn K đã phạm hai tội nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo K.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo nghề nghiệp không ổn định, không có thu nhập và tài sản riêng. Nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng:

- 01 (một) phong bì niêm phong số 438/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q bên trong có mẫu vật hoàn lại sau giám định có khối lượng như sau: M1: 0,01 gam; M2: 0,02; M3: 0,02 gam; M4: 0,02 gam; 01 (một) phong bì niêm phong số 437/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q bên trong có mẫu vật hoàn lại sau giám định có khối lượng là 0,08 gam. Đây là chất Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong của máy, điện thoại thu giữ của bị cáo Nguyễn Tuấn K và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đỏ đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong của máy, điện thoại thu giữ của Nguyễn Văn M đều sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Số tiền 4.300.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Tuấn K bao gồm số tiền 190.000 đồng là tiền bị cáo K phạm tội mà có nên tịch thu ngân sách Nhà nước. Số tiền còn lại 4.110.000 đồng là tiền của mẹ bị cáo K (bà Đỗ Thị T) nên trả lại cho bà T.

- 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 14X1 - 326.42 đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Đỗ Thị T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Liên quan trong vụ án có đối tượng đã bán ma túy cho Nguyễn Tuấn K. Quá trình điều tra không xác định được lai lịch địa chỉ nên đề nghị làm rõ xử lý sau.

[8] Về án phí:

Buộc các bị cáo Nguyễn Tuấn K và Nguyễn Văn M phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự;

- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Tuấn K** phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tuấn K** 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và 12 (mười hai) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Tuấn K phải chấp hành hình phạt chung là 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/5/2020.

2. Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn M** phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn M** 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/5/2020.

3. Về vật chứng:

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong số 438/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q bên trong có mẫu vật hoàn lại sau giám định có khối lượng như sau: M1: 0,01 gam; M2: 0,02; M3: 0,02 gam; M4: 0,02 gam và 01 (một) phong bì niêm phong số 437/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q bên trong có mẫu vật hoàn lại sau giám định có khối lượng là 0,08 gam.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong của máy, điện thoại thu giữ của bị cáo Nguyễn Tuấn K và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đỏ đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong của máy, điện thoại thu giữ của Nguyễn Văn M.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 190.000đ (một trăm chín mươi nghìn đồng) đối với Nguyễn Tuấn K trong số tiền 4.300.000 đ (bốn triệu ba trăm nghìn đồng) thu giữ của Nguyễn Tuấn K.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị T Số tiền 4.110.000 đ (bốn triệu một trăm mười nghìn đồng) trong số tiền tiền 4.300.000 đ (bốn triệu ba trăm nghìn đồng) thu giữ của Nguyễn Tuấn K.

(Tình trạng các vật chứng trên thể hiện trong Biên bản giao nhận vật chứng lập vào hồi 8 giờ 00 phút, ngày 31/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q).

4. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc các bị cáo Nguyễn Tuấn K và Nguyễn Văn M mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đ (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Q;
- VKSND thị xã Q;
- Công an thị xã Q;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS TX Q;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Phan Tuấn Anh